

Số: 04/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 10 tháng 7 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất (*bổ sung*) năm 2018 trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG  
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh Hà Giang;

Sau khi xem xét Tờ trình số: 60/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Giang về Danh mục các dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng (*bổ sung*) năm 2018, trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Báo cáo thẩm tra số 18/BC-KTNS ngày 08 tháng 7 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất (*bổ sung*) năm 2018 trên địa bàn tỉnh Hà Giang, như sau:

1. Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, vì lợi ích công cộng gồm 43 công trình, dự án, trong đó:

a) Tổng diện tích thu hồi: 12.630.754,9m<sup>2</sup>;

b) Tổng kinh phí dự kiến bồi thường: 104,51 tỷ đồng.

*(chi tiết tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết này).*

2. Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, vì lợi ích công cộng; gồm 28 công trình, dự án với diện tích: 12.585.850m<sup>2</sup>

(chi tiết tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII, Kỳ họp thứ Bảy thông qua và có hiệu thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2018./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu, UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Tài nguyên và Môi trường
- TTr. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XIV tỉnh Hà Giang;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII;
- TTr. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang, Đài PT-TH tỉnh;
- Công TIẾT tỉnh, Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND (1b).



**CHỖ TỊCH**  
**Thảo Hồng Sơn**

## PHỤ LỤC I

**Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi quốc gia, lợi ích công cộng (Bổ sung) năm 2018 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.**

( Kèm theo Nghị quyết số: *01/NQ-HĐND* ngày *10 tháng 7* năm 2018 của Hội đồng nhân tỉnh Hà Giang) *uoc*

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn		
				Diện tích đất trồng lúa (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất rừng đặc dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất rừng PH (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất khác (m <sup>2</sup> )		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)
	<i>Toàn tỉnh</i>		<i>12,630,755</i>	<i>827,150</i>	<i>1,958</i>	<i>50</i>	<i>11,801,597</i>	<i>104,510</i>	<i>540</i>	<i>1,125</i>	<i>102,845</i>
<b>I</b>	<b>TP. HÀ GIANG</b>		<b>43,468</b>	<b>26,861</b>	-	-	<b>16,607</b>	<b>4,550</b>	-	-	<b>4,550</b>
1	Mở rộng quỹ đất đô thị và thực hiện các dự án	Thôn Cầu Mè xã Phương Thiện.	4,407				4,407	3,000			3,000
2	Thu hồi đất để thực hiện thu hút đầu tư tại khu đất Trường Chính trị tỉnh	Tổ 16, phường Minh Khai	8,885				8,885				
3	Thu hồi chuyên mục đích và giao đất cho Công ty TNHH một thành viên Xô số kiến thiết	Tổ 7, phường Trần Phú	652				652				
4	CQT các TBA khu vực thành phố Hà Giang năm 2018	các xã, phường của TP. Hà Giang	298	22			276	350			350

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn		
				Diện tích đất trồng lúa (m2)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m2)	Diện tích đất rừng PH (m2)	Diện tích đất khác (m2)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)
5	Dự án thủy điện Sông Miện 6	Xã Ngọc Đường	29,225.3	26,838.9			2,386.4	1,200			1,200
<b>II</b>	<b>H. ĐÔNG VĂN</b>		<b>11,280</b>	<b>11,280</b>	-	-	-	<b>700</b>	-	<b>300</b>	<b>400</b>
1	Dự án xây dựng cấp bách cơ sở hạ tầng bảo vệ biên giới tại trung tâm xã Lũng Cú (Hạng mục: Tuyến đường kết nối từ Km0 Quốc lộ 4C đến thôn Càng Tăng tạo điểm nhân cho khu vực trung tâm xã Lũng Cú)	Xã Lũng Cú	5,094	5,094				400			400
2	Mở rộng chợ thị trấn Đông Văn	TT. Đông Văn	6,186	6,186				300		300	
<b>III</b>	<b>H. MÈO VẠC</b>		<b>2,252,200</b>	<b>40,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2,212,200</b>	<b>6,600</b>	<b>0</b>	<b>100</b>	<b>6,500</b>
1	Trạm y tế xã Pài Lùng	Xã Pài Lùng	2200				2200	100		100	
2	Thủy điện Sông nhiệm 3	(Phần trên huyện Mèo Vạc)	1,000,000	25,000			975,000	3,000			3,000
		(phần trên huyện Yên Minh)	1,250,000	15,000			1,235,000	3,500			3,500

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn		
				Diện tích đất trồng lúa (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất rừng đặc dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất rừng PH (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất khác (m <sup>2</sup> )		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)
<b>IV</b>	<b>H. YÊN MINH</b>		<b>4,004</b>	<b>337</b>	<b>-</b>	<b>50</b>	<b>3,617</b>	<b>290</b>	<b>240</b>	<b>-</b>	<b>50</b>
1	Xây dựng TT. Hành chính công huyện Yên Minh	Thị trấn Yên Minh	286				286	40	40		
2	Xây dựng trụ sở Hạt 7, hạt giao thông	Thị trấn Yên Minh	300	300				50	50		
3	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở trượt nguy hiểm do thiên tai, đoạn km 61+450 – Km61+850 đường tỉnh 176B	huyện Yên Minh	3,200				3,200	150	150		
4	CQT các TBA khu vực huyện Yên Minh năm 2018	TT. Yên Minh	86	12			74	20			20.0
		xã Bạch Đích	132	25		50	57	30			30.0
<b>V</b>	<b>H. QUẢN BẠ</b>		<b>15,414</b>	<b>45</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>15,369</b>	<b>760</b>	<b>-</b>	<b>725</b>	<b>35</b>
1	Dự án cải tạo nâng cấp mở đường xe máy lên hang động Lùng Khúy	xã Lùng Khúy	2,500				2,500	145.0		145	

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn		
				Diện tích đất trồng lúa (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất rừng đặc dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất rừng PH (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất khác (m <sup>2</sup> )		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)
2	Dự án cải tạo nâng cấp đường Đông Hà – Cán Ty đến Lao Và Chải huyện Yên Minh	xã Đông Hà, Cán Ty	9,000				9,000	350		350	
3	Dự án nâng cấp cải tạo trường PTDT bán trú tiểu học Lùng Tám	xã Lùng Tám	1,500				1,500	70		70	
4	Dự án sửa chữa khắc phục thiên tai tuyến đường từ Tùng Vai đi Cao Mã Pờ	xã Tùng Vai, Cao Mã Pờ	290.3				290.3	50		50	
5	Dự án sửa chữa khắc phục thiên tai tại tuyến đường từ trụ sở xã Nghĩa Thuận đi mốc 325	xã Nghĩa Thuận	484.4				484.4	30		30	
6	Dự án khắc phục hậu quả thiên tai sạt lở đất đá taluy dương phía sau chợ biên giới xã Nghĩa Thuận	xã Nghĩa Thuận	1,500				1,500	80		80	
7	CQT các TBA khu vực Quán Bạ, Đông Văn năm 2018	TT. Tam Sơn, huyện Quán Bạ	82	30			52	20			20
		TT. Đông Văn - H. Đông Văn	57	15			42	15			15

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn		
				Diện tích đất trồng lúa (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất rừng đặc dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất rừng PH (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất khác (m <sup>2</sup> )		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)
<b>VI</b>	<b>H. BẮC MÊ</b>		<b>85,000</b>	<b>80,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5,000</b>	<b>650</b>	<b>150</b>	<b>-</b>	<b>500</b>
1	Dự án xây dựng mới đài tưởng niệm	thị trấn Yên Phú	5,000				5,000	150	150		
2	Dự án thủy điện Bắc Mê	xã Yên Phong, xã Phú Nam	80,000	80,000				500			500
<b>VII</b>	<b>H. VỊ XUYỀN</b>		<b>1,938,064</b>	<b>122,850</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>1,815,149</b>	<b>26,570</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>26,570</b>
1	CQT các TBA khu vực huyện Vị Xuyên, Bắc Quang năm 2018	TT. Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên	127	46			81	30			30
		xã Bằng Hành, huyện Bắc Quang	176	50	65		61	40			40
2	Dự án trồng cỏ chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao Hà Giang (khu vực trồng cỏ)	xã Phong Quang	1,850,000	98,000			1,752,000	20,000			20,000
3	Dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao Hà Giang (Khu vực chế biến sản xuất)	thôn Lũng Châu xã Phong Quang và thôn Nà Sắt xã Thanh Thủy	87,761	24,754			63,007	6,500			6,500

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn		
				Diện tích đất trồng lúa (m2)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m2)	Diện tích đất rừng PH (m2)	Diện tích đất khác (m2)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)
VIII	H. HOÀNG SU PHI		1,449,600	113,200	0	0	1,336,400	16,730	150	0	16,580
1	Trạm Y tế xã Bán Phùng	xã Bán Phùng	1,600	200			1,400	150	150		
2	Xây dựng trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Hoàng Su Phi	thị trấn Vinh Quang	3,800				3,800	80			80
3	Thủy điện Tà Quan I	xã Nậm Ty	110,000	30,000			80,000	4,500			4,500
4	Thủy điện Sông Cháy 3	xã Tụ Nhân, Pờ Ly Ngải, Sán Sà Hồ và thị trấn Vinh Quang	1,333,000	83,000			1,250,000	11,000			11,000
5	Trụ sở Kho Bạc Nhà nước	thị trấn Vinh Quang	1,200				1,200	1,000			1,000
IX	H. XÍN MÀN		1,583,027	135,090	1,784	0	1,446,152	28,700	0	0	28,700





Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn		
				Diện tích đất trồng lúa (m2)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m2)	Diện tích đất rừng PH (m2)	Diện tích đất khác (m2)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)
7	Đường dây 110Kv sông Chông – sông Chày	Phần địa bàn huyện Xín Mần	22,464	1,166	1,784		19,514	500		0	500
<b>X</b>	<b>H. BẮC QUANG</b>		<b>5,248,699</b>	<b>297,486</b>	<b>109</b>	<b>0</b>	<b>4,951,103</b>	<b>18,960</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>18,960</b>
1	Xây dựng trường Trung học cơ sở Lương Thế Vinh	tổ 3, thị trấn Việt Quang	9,016	3,394			5,622	350			350
2	Xây dựng mạch vòng ĐZ 35 kv lộ 373 -374 Pắc Hà – Vô Diêm – Kim Ngọc – Quang Thành	xã Vô Diêm, Kim Ngọc	391	82			309	50			50
3	CQT các TBA khu vực huyện Xín Mần, huyện Bắc Quang năm 2018	xã Bàn Ngò - huyện Xín Mần	216	67	109		40	60			60
		xã Việt Vinh - Bắc Quang	88	30			58	40			40
4	Dự án thủy nông Nậm Moòng	thôn Tân Tạo, xã Việt Vinh	50,000	15,000			35,000	460			460
5	Thủy điện Sông Lô 6	xã Vĩnh Hào, Hùng An, Quang Minh, Vô Diêm, Kim Ngọc, Vĩnh Hào	3087908.2	254824.5			2833083.7	10,000.0			10,000.0

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn		
				Diện tích đất trồng lúa (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất rừng đặc dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất rừng PH (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất khác (m <sup>2</sup> )		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)
6	Thủy điện Sông Lô 5	xã Đồng Tâm, Việt Vinh, Tân Quang, Quang Minh, Kim Ngọc, Tân Thành	2101079.8	24088.7			2076991.1	8,000.0			8,000.0

## PHỤ LỤC II

**Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất thu hồi đất theo Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai để thực hiện dự án đầu tư (bổ sung) năm 2018 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.**

(Kèm theo Nghị quyết số: 04 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Chia ra các loại đất			
				Diện tích đất trồng lúa (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất rừng đặc dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất rừng PH (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất khác (m <sup>2</sup> )
	<b>Toàn tỉnh</b>		<b>12,585,850</b>	<b>827,150</b>	<b>1,958</b>	<b>50</b>	<b>11,756,692</b>
<b>I</b>	<b>TP. HÀ GIANG</b>		<b>29,523</b>	<b>26,861</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2,662</b>
1	CQT các TBA khu vực thành phố Hà Giang năm 2018	các xã, phường của TP. Hà Giang	298	22			276
2	Dự án thủy điện Sông Miện 6	xã Ngọc Đường	29,225.3	26,838.9			2,386.4
<b>II</b>	<b>H. ĐỒNG VĂN</b>		<b>11,280</b>	<b>11,280</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	Dự án xây dựng cấp bách cơ sở hạ tầng bảo vệ biên giới tại trung tâm xã Lũng Cú (Hạng mục: Tuyến đường kết nối từ Km0 Quốc lộ 4C đến thôn Căng Tằng tạo điểm nhấn cho khu vực trung tâm xã Lũng Cú)	xã Lũng Cú	5,094	5,094			
2	Mở rộng chợ thị trấn Đồng Văn	TT. Đồng Văn	6,186	6,186			
<b>III</b>	<b>H. MÈO VẠC</b>		<b>2,250,000</b>	<b>40,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2,210,000</b>

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Chia ra các loại đất			
				Diện tích đất trồng lúa (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất rừng đặc dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất rừng PH (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất khác (m <sup>2</sup> )
1	Thủy điện Sông nhiệm 3	(Phần trên huyện Mèo Vạc)	1,000,000	25,000			975,000
		(phần trên huyện Yên Minh)	1,250,000	15,000			1,235,000
<b>IV</b>	<b>H. YÊN MINH</b>		<b>518</b>	<b>337</b>	<b>-</b>	<b>50</b>	<b>131</b>
1	Xây dựng trụ sở Hạt 7, hạt giao thông	Thị trấn Yên Minh	300	300			
2	CQT các TBA khu vực huyện Yên Minh năm 2018	TT. Yên Minh	86	12			74
		xã Bạch Đích	132	25		50	57
<b>V</b>	<b>H. QUẢN BẠ</b>		<b>139</b>	<b>45</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>94</b>
1	CQT các TBA khu vực Quản Bạ, Đồng Văn năm 2018	TT. Tam Sơn, huyện Quản Bạ	82	30			52
		TT. Đồng Văn - H. Đồng Văn	57	15			42
<b>VI</b>	<b>H. BẮC MÊ</b>		<b>80,000</b>	<b>80,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Dự án thủy điện Bắc Mê	TT. Yên Phú xã Yên Phong, xã Phú Nam	80,000	80,000			
<b>VII</b>	<b>H. VỊ XUYÊN</b>		<b>1,938,064</b>	<b>122,850</b>	<b>65</b>	<b>0</b>	<b>1,815,149</b>

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Chia ra các loại đất			
				Diện tích đất trồng lúa (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất rừng đặc dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất rừng PH (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất khác (m <sup>2</sup> )
1	CQT các TBA khu vực huyện Vị Xuyên, Bắc Quang năm 2018	TT. Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên	127	46			81
		xã Bằng Hành, huyện Bắc Quang	176	50	65		61
2	Dự án trồng cỏ chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao Hà Giang (khu vực trồng cỏ)	xã Phong Quang	1,850,000	98,000			1,752,000
3	Dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao Hà Giang (Khu vực chế biến sản xuất)	thôn Lũng Châu xã Phong Quang và thôn Nà Sắt xã Thanh Thủy	87,761	24,754			63,007
<b>VIII</b>	<b>H. HOÀNG SU PHÌ</b>		<b>1,444,600</b>	<b>113,200</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1,331,400</b>
1	Trạm Y tế xã Bàn Phụng	xã Bàn Phụng	1,600	200			1,400
2	Thủy điện Tà Quan I	xã Nậm Ty	110,000	30,000			80,000
3	Thủy điện Sông Cháy 3	xã Tụ Nhân, Pờ Ly Ngải, Sán Sà Hồ và thị trấn Vinh Quang	1,333,000	83,000			1,250,000
<b>IX</b>	<b>H. XÍN MÀN</b>		<b>1,583,027</b>	<b>135,090</b>	<b>1,784</b>	<b>0</b>	<b>1,446,152</b>
1	Nâng cấp cải tạo đường KM90 (đường Bắc Quang - Xín Mần) đi cửa khẩu Xín Mần và Mốc 198	huyện Xín Mần	37,062	15,047			22,015

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Chia ra các loại đất			
				Diện tích đất trồng lúa (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất rừng đặc dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất rừng PH (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất khác (m <sup>2</sup> )
2	Khôi phục cải tạo đường Nậm Dịch – Nam Sơn – Hồ Thầu – Quảng Nguyên – Nà Chi (đoạn Km14+00 đến Km 40+400)	Địa phận Hoàng Su Phi	142,471	2,737			139,734
		địa phận huyện Xín Mần	224,918	1,504			223,414
3	Thủy điện Nậm Là	xã Quảng Nguyên	160,000	45,000			115,000
4	Thủy điện Quảng Nguyên	xã Quảng Nguyên	150,000	40,000			110,000
5	Thủy điện Pa Ke	huyện Xín Mần	829,157	15,000			814,157
6	Thủy điện sông Cháy 6	TT. Cốc Pải, xã Thèn Phàng, Bản Diu, Cốc Rế, Tả Nhiu, Trung Thịnh, Ngán Chiên	16,955	14,636			2,319
7	Đường dây 110Kv sông Chùng – sông Cháy	Phần địa bàn huyện Xín Mần	22,464	1,166	1,784		19,514
<b>X</b>	<b>H. BẮC QUANG</b>		<b>5,248,699</b>	<b>297,486</b>	<b>109</b>	<b>0</b>	<b>4,951,103</b>
1	Xây dựng trường Trung học cơ sở Lương Thế Vinh	tổ 3, thị trấn Việt Quang	9,016	3,394			5,622
2	Xây dựng mạch vòng ĐZ 35 kv lộ 373 -374 Pác Hà – Vô Điểm – Kim Ngọc – Quang Thành	xã Vô Điểm, Kim Ngọc	391	82			309

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Chia ra các loại đất			
				Diện tích đất trồng lúa (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất rừng đặc dụng (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất rừng PH (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất khác (m <sup>2</sup> )
3	CQT các TBA khu vực huyện Xin Mần, huyện Bắc Quang năm 2018	xã Bàn Ngò - huyện Xin Mần	216	67	109		40
		xã Việt Vinh - Bắc Quang	88	30			58
4	Dự án thủy nông Nậm Moòng	thôn Tân Tạo, xã Việt Vinh	50,000	15,000			35,000
5	Thủy điện Sông Lô 6	xã Vĩnh Hào, Hùng An, Quang Minh, Vô Điểm, Kim Ngọc, Vĩnh Hào	3,087,908	254,825			2,833,084
6	Thủy điện Sông Lô 5	xã Đồng Tâm, Việt Vinh, Tân Quang, Quang Minh, Kim Ngọc, Tân Thành	2,101,080	24,089			2,076,991